



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 8 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (đến ngày 25 tháng 11 năm 2021)
Thành viên (đến ngày 12 tháng 10 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung
Ông Nguyễn Quốc Trung
Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng

Tổng Giám đốc
(từ ngày 26 tháng 11 năm 2021)
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
kinh doanh ngành thịt
(đến ngày 25 tháng 11 năm 2021)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 25 tháng 11 năm 2021)
Giám đốc Tài chính
(đến ngày 25 tháng 11 năm 2021)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)

Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban Kiểm soát
(đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

1/5/21
1/4/21



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00924-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.533.822.773.228	2.891.262.464.053
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	88.110.851.108	1.176.073.253.973
Tiền	111		38.110.851.108	47.073.253.973
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	1.129.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		256.165.829.261	22.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5	256.165.829.261	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	22.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.188.932.509.419	1.589.031.346.092
Phải thu của khách hàng	131	6	20.641.523.908	82.141.237.023
Trả trước cho người bán	132	7	-	432.057.432.017
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.121.950.000.000	937.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	65.988.861.524	142.295.995.849
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6	(19.647.876.013)	(5.113.318.797)
Hàng tồn kho	140		-	102.140.377.965
Hàng tồn kho	141		-	102.140.377.965
Tài sản ngắn hạn khác	150		613.583.440	2.017.486.023
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		613.583.440	1.986.423.504
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	31.062.519

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		3.964.037.962.462	9.904.132.572.551
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		246.034.113	461.254.552
Tài sản cố định hữu hình	221		39.901.535	231.120.224
Nguyên giá	222		247.460.318	488.745.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.558.783)	(257.625.094)
Tài sản cố định vô hình	227		206.132.578	230.134.328
Nguyên giá	228		918.560.700	690.403.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(712.428.122)	(460.268.672)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.962.880.024.017	9.899.664.500.000
Đầu tư vào các công ty con	251	10(a)	3.314.777.300.000	9.899.664.500.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10(b)	648.102.724.017	-
Tài sản dài hạn khác	260		909.148.332	4.004.061.999
Chi phí trả trước dài hạn	261		909.148.332	4.004.061.999
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.497.860.735.690	12.795.395.036.604

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.080.965.707.890	9.772.665.322.450
Nợ ngắn hạn	310		114.160.530.353	6.029.655.921.740
Phải trả người bán	311	11	4.219.526.114	2.742.722.363.752
Người mua trả tiền trước	312		323.766.646	11.899.556.110
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	585.949.237	4.621.894.902
Phải trả người lao động	314		5.223.974	5.223.974
Chi phí phải trả	315	13	78.397.720.625	267.206.555.730
Phải trả ngắn hạn khác	319	14(a)	1.328.343.757	2.009.990.327.272
Vay ngắn hạn	320	15(a)	29.300.000.000	993.210.000.000
Nợ dài hạn	330		1.966.805.177.537	3.743.009.400.710
Phải trả dài hạn khác	337	14(b)	-	620.693.878.024
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	15(b)	1.966.647.316.037	3.111.844.095.436
Dự phòng phải trả dài hạn	342		157.861.500	10.471.427.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.416.895.027.800	3.022.729.714.154
Vốn chủ sở hữu	410	16	5.416.895.027.800	3.022.729.714.154
Vốn cổ phần	411	17	3.269.884.470.000	3.267.148.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.884.470.000	3.267.148.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.005.015.149	2.119.055.015.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	421		28.005.542.651	(2.363.473.770.995)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.363.473.770.995)	(2.247.530.810.778)
- Lợi nhuận /(lỗ) sau thuế năm nay	421b		2.391.479.313.646	(115.942.960.217)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.497.860.735.690	12.795.395.036.604

Ngày 8 tháng 3 năm 2022


Mã Hồng Kim
Người lập


Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	10.426.612.864.715	10.620.165.390.237
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	607.391.240.914	677.346.312.542
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	21	9.819.221.623.801	9.942.819.077.695
Giá vốn hàng bán	11	22	9.162.424.321.210	9.310.555.410.727
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		656.797.302.591	632.263.666.968
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.135.046.625.560	159.632.865.571
Chi phí tài chính	22	24	321.811.082.282	282.676.619.901
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		258.397.797.338	223.922.897.013
Chi phí bán hàng	25	25	330.079.491.837	474.474.287.594
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	146.906.364.440	150.839.359.221
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.993.046.989.592	(116.093.734.177)
Thu nhập khác	31		817.986.182	160.591.686
Chi phí khác	32		142.271.828	9.817.726
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		675.714.354	150.773.960
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.993.722.703.946	(115.942.960.217)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.993.722.703.946	(115.942.960.217)

Ngày 8 tháng 3 năm 2022


Mã Hồng Kim
Người lập


Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	3.993.722.703.946	(115.942.960.217)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	397.341.617	272.111.504
Các khoản dự phòng	03	10.137.389.946	(4.270.906.520)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	288.865.868	406.414.322
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(4.134.146.296.546)	(159.510.690.926)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	262.128.231.342	223.922.897.013
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	132.528.236.173	(55.123.134.824)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	491.725.881.828	(89.715.400.005)
Biến động hàng tồn kho	10	102.140.377.965	19.258.493.466
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(3.019.173.586.311)	840.729.610.518
Biến động chi phí trả trước	12	4.467.753.731	2.014.921.604
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(256.165.829.261)	-
		(2.544.477.165.875)	717.164.490.759
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(854.358.016.260)	(17.288.679.339)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(924.756.781)	(1.594.572.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.399.759.938.916)	698.281.238.545
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(228.157.700)	(86.295.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	46.036.522	-
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(10.190.300.000.000)	(2.084.150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	8.028.000.000.000	1.864.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con và một công ty liên kết	25	(3.348.091.835.017)	(5.200.777.300.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con	26	-	4.171.106.422.729
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	4.213.181.894.175	395.673.321.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.297.392.062.020)	(853.933.850.346)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2.636.000.000	23.874.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	12.020.720.000.000	2.054.730.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.812.504.095.436)	(1.430.050.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(1.601.373.440.625)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.609.478.463.939	648.554.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.087.673.536.997)	492.901.388.199
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.176.073.253.973	683.578.280.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(288.865.868)	(406.414.322)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	88.110.851.108	1.176.073.253.973

Ngày 8 tháng 3 năm 2022


 Mã Hồng Kim
 Người lập


 Nguyễn Thanh Tùng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quốc Trung
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Liên quan đến việc chuyển giao mảng thức ăn chăn nuôi, cụ thể là Công ty Cổ phần MNS Feed (trước đây là Công ty TNHH MNS Feed) như được mô tả trong Thuyết minh 10(a), Công ty cũng đã cơ cấu lại các hoạt động chính để chia tách mảng hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Theo đó, từ đầu tháng 11 năm 2021, tất cả các giao dịch với các khách hàng của hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi, bao gồm một số nhân viên cụ thể đã được chuyển sang Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con. Do kết quả của việc tái cơ cấu này, Công ty cũng đã chuyển giao/nhận một số quyền và nghĩa vụ với khách hàng và nhân viên sang/từ các công ty con theo các thỏa thuận ba bên.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2021: 3 công ty con sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 10.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2021: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 32 nhân viên (1/1/2021: 781 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và thu nhập cổ tức.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu (gọi chung là “chi phí đi vay”) và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(s) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên được quy định trong Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	-	1.522.669.862
Tiền gửi ngân hàng	38.110.851.108	45.530.754.111
Tiền đang chuyển	-	19.830.000
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	1.129.000.000.000
	88.110.851.108	1.176.073.253.973

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Chứng khoán kinh doanh

		31/12/2021	
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	2.561.650	256.165.829.261	-

Công ty mua các trái phiếu này với mục tiêu nắm giữ trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng) và lãi suất được sử dụng để ghi nhận lãi dự thu cho trái phiếu là 6%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	-	4.418.204.000
Các công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	1.261.601.715
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	1.125.969.760

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	5.113.318.797	9.780.987.692
Trích lập dự phòng trong năm	9.091.194.831	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.667.668.895)
Nhận từ các công ty con (Thuyết minh 1(b))	8.255.441.357	-
Chuyển sang các công ty con (Thuyết minh 1(b))	(2.812.078.972)	-
Số dư cuối năm	19.647.876.013	5.113.318.797

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán là các bên liên quan:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)</i>		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	295.238.048.687
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	-	25.656.231.780
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	85.118.178.465
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	-	20.543.809.085

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam”)	6,5%	2022	87.000.000.000	387.000.000.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	6,5%	2022	266.200.000.000	94.550.000.000
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (trước đây là “Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An”)	6,5%	2022	106.000.000.000	36.100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	6,5%	2022	2.662.750.000.000	150.000.000.000
Một bên thứ ba	6,5%	2021	-	270.000.000.000
			3.121.950.000.000	937.650.000.000

Tất cả các khoản phải thu về cho vay không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi phải thu từ cho các bên liên quan vay	57.347.795.228	45.462.638.387
Lãi phải thu từ chứng khoán kinh doanh phát hành bởi công ty mẹ	5.249.206.145	-
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho bên thứ ba vay	23.972.603	12.233.435.618
Đặt cọc ngắn hạn	2.355.860.530	2.095.500
Phân phối lợi nhuận phải thu các công ty con	-	83.063.297.600
Phải thu khác từ các công ty con	156.736.239	557.775.920
Phải thu khác	855.290.779	976.752.824
	65.988.861.524	142.295.995.849

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	25.639.305.460	2.323.972.603
Công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	92.826.128	-
Công ty con sở hữu trực tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)		
▪ Công ty Cổ phần MNS Feed	(*)	83.063.297.600
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	32.050.021.792	16.239.667.566
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	4.921.754.097	5.146.860.277
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	49.830.135	22.005.065.789
Các công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	(*)	116.169.852
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	(*)	33.874.215
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	(*)	9.003.322
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	(*)	114.127.200
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	(*)	315.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	(*)	588.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	(*)	190.002
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	(*)	26.794.480
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ	(*)	3.786.001

Lãi cho vay phải thu từ công ty mẹ và các công ty con không có đảm bảo và đến hạn vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

- (*) Công ty không trình bày số dư với các công ty này trong thuyết minh này do các công ty này không còn là bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Đầu tư tài chính dài hạn**(a) Đầu tư vào các công ty con**

	31/12/2021		1/1/2021	
	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
▪ Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	99,99%	2.700.003.000.000	99,99%	2.000.003.000.000
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”)	51,0%	614.774.300.000	51,0%	614.774.300.000
▪ Công ty Cổ phần MNS Feed (“MNS Feed”) (*)	-	-	99,9%	7.283.990.000.000
▪ Khác	-	-	-	897.200.000
		3.314.777.300.000		9.899.664.500.000

- (*) Như được trình bày trong Thuyết minh 15(b)(ii), sau khi hoàn thành việc hoán đổi vào ngày 1 tháng 12 năm 2021, MNS Feed và các công ty con, công ty liên kết của MNS Feed không còn là công ty con và công ty liên kết của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã ký một thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”), một công ty con của MNS Feed, để mua lại toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”). Sau đó, Công ty đã hoàn tất mua lại toàn bộ 20.180.026 cổ phiếu Vissan từ ANCO vào ngày 5 tháng 12 năm 2021. Như quy định trong thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần, giá giao dịch được xác định theo giá cổ phiếu trên UPCoM vào ngày thực hiện giao dịch. Do kết quả của giao dịch mua lại này, Vissan trở thành công ty liên kết thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty (Thuyết minh 10(b)).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	MNS Feed VND	MNS Meat VND	3F VIỆT VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.283.990.000.000	2.000.003.000.000	614.774.300.000	897.200.000	9.899.664.500.000
Tăng đầu tư	-	700.000.000.000	-	-	700.000.000.000
Thanh lý các khoản đầu tư	(7.283.990.000.000)	-	-	(897.200.000)	(7.284.887.200.000)
Số dư cuối năm	-	2.700.003.000.000	614.774.300.000	-	3.314.777.300.000

Thông tin chi tiết của các công ty con như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MNS Meat	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt gia cầm

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

		31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết
					Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,9%	648.102.724.017	-	-

Hoạt động chính của Vissan là chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm chế biến và các sản phẩm chế biến từ thịt.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

11. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	3.463.708.169	4.563.823.848
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	-	2.187.376.275.950
Các nhà cung cấp khác	755.817.945	550.782.263.954
	4.219.526.114	2.742.722.363.752

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	3.463.708.169	4.563.823.848
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là “Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce”)	70.571.020	81.864.791
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)</i>		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	-	2.187.376.275.950
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	-	171.688.262.720
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	-	157.898.703.815
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	-	145.020.554.574
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	52.086.866.325
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	396.000.000

Khoản phải trả cho các công ty con và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ/được hoàn trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	285.074.260	(202.948.085)	(31.062.519)	51.063.656
Thuế thu nhập cá nhân	4.621.894.902	28.776.343.409	(29.286.179.828)	(3.577.172.902)	534.885.581
Các loại thuế khác	-	105.900.674	(105.900.674)	-	-
	4.621.894.902	29.167.318.343	(29.595.028.587)	(3.608.235.421)	585.949.237

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí phải trả**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	66.714.079.453	1.640.590.055
Thưởng thành tích	3.894.420.000	41.950.199.620
Chiết khấu thương mại	1.730.556.458	207.230.066.842
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	49.170.000	7.818.797.632
Chi phí vận chuyển	-	888.932.642
Chi phí khác	6.009.494.714	7.677.968.939
	78.397.720.625	267.206.555.730

14. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cổ tức	869.949.675	-
Phải trả ANCO cho việc nhận chuyển nhượng MNS Meat do tái cấu trúc trong năm 2020	-	1.999.989.111.000
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty TNHH Tầm nhìn Masan”), một công ty liên quan	-	3.276.712.329
Phải trả khác cho Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang, một công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)	-	389.409.575
Phải trả khác	458.394.082	6.335.094.368
	1.328.343.757	2.009.990.327.272

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)	-	620.693.878.024

Trong năm, Công ty đã hoàn trả toàn bộ nợ gốc và chi phí lãi vay trước ngày đáo hạn (Thuyết minh 15(b)(i)).

15. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	993.210.000.000	2.736.750.000.000	(3.700.660.000.000)	29.300.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	3,4%	29.300.000.000	593.210.000.000
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan, một công ty liên quan	VND	6,5%	-	400.000.000.000
			29.300.000.000	993.210.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn và trái phiếu phát hành**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn (i)	-	3.111.844.095.436
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	1.966.647.316.037	-
	1.966.647.316.037	3.111.844.095.436

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay không được đảm bảo từ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)				
▪ Khoản vay 1	6,5%	2023	-	2.419.754.495.481
▪ Khoản vay 2	6,5%	2023	-	692.089.599.955
			-	3.111.844.095.436

Trong năm, Công ty đã hoàn trả toàn bộ nợ gốc của các khoản vay trước ngày đáo hạn.

(ii) Trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ Trái phiếu số MMLB2126001	VND	9,5%	2026	1.999.980.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ				(33.332.683.963)	-
				1.966.647.316.037	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trái phiếu do Công ty phát hành trong năm bao gồm:

- 1.999 tỷ VND trái phiếu số MMLB2126001 chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2026) với lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các kỳ còn lại. Trái phiếu này không được bảo đảm.
- 7.283 tỷ VND trái phiếu số MMLH2124001 chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 3 năm (2024). Trái phiếu này không được đảm bảo và chịu lãi suất cố định là 2% một năm.

Theo các điều khoản của hồ sơ phát hành trái phiếu, mỗi Chủ sở hữu trái phiếu có quyền hoán đổi toàn bộ (mà không phải là một phần) số trái phiếu mà mình sở hữu lấy cổ phiếu mà Công ty sở hữu trong Công ty Cổ phần MNS Feed, một công ty con của Công ty, theo giá chuyển đổi được xác định trước, theo quyết định của một hoặc nhiều Chủ sở hữu trái phiếu nắm giữ ít nhất 70% tổng số mệnh giá của trái phiếu đang lưu hành tại ngày quyết định.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2021, một bên thứ ba đã trở thành chủ sở hữu duy nhất của toàn bộ trái phiếu đã phát hành sau khi mua lại toàn bộ trái phiếu đang lưu hành và thực hiện quyền hoán đổi để lấy 99,99% phần sở hữu của MNS Feed tại giá hoán đổi, 10.000 VND/cổ phiếu, theo các điều khoản của hồ sơ phát hành trái phiếu. Việc hoán đổi được hoàn thành vào ngày 1 tháng 12 năm 2021 (Thuyết minh 10(a)) và theo đó, Công ty đã ngừng ghi nhận các nghĩa vụ nợ của trái phiếu đã phát hành liên quan.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã kế toán toàn bộ trái phiếu có thể hoán đổi cho cổ phiếu của công ty con của Công ty là nợ phải trả, tương tự như kế toán trái phiếu thường do các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về các giao dịch tương tự.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.247.530.810.778)	3.114.848.674.371
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên (“ESOP”) (Thuyết minh 19)	23.874.000.000	(50.000.000)	-	23.824.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(115.942.960.217)	(115.942.960.217)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154
Phát hành cổ phiếu theo ESOP (Thuyết minh 19)	2.736.000.000	(50.000.000)	-	2.686.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.993.722.703.946	3.993.722.703.946
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	(1.602.243.390.300)	(1.602.243.390.300)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	28.005.542.651	5.416.895.027.800

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.988.447	3.269.884.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.988.447	3.269.884.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.988.447	3.269.884.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Phát hành cổ phiếu theo ESOP	273.600	2.736.000.000	2.387.400	23.874.000.000
Số dư cuối năm	326.988.447	3.269.884.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000

18. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 3 tháng 12 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 49% của vốn cổ phần, tương đương 1.602 tỷ VND (2020: Không).

19. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần của nhân viên

Công ty có ESOP dựa trên đánh giá về thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 10 năm 2021, Công ty đã phát hành 273.600 cổ phiếu (2020: 2.387.400 cổ phiếu) cho nhân viên như được quy định trong Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng 1 năm	227.204.640	11.323.257.600
Từ 2 đến 5 năm	-	1.372.449.600
	227.204.640	12.695.707.200

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	18.086	409.656.959	451.269	10.379.183.320

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	10.426.612.864.715	10.620.165.390.237
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	607.342.120.914	677.326.492.692
▪ Hàng bán bị trả lại	49.120.000	19.819.850
	607.391.240.914	677.346.312.542
Doanh thu thuần	9.819.221.623.801	9.942.819.077.695

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Giá vốn hàng bán**

	2021 VND	2020 VND
Hàng hóa đã bán	9.162.424.321.210	9.310.555.410.727

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	4.000.003.108.500	83.063.297.600
Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay	135.040.388.046	76.447.393.326
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.129.014	122.174.645
	4.135.046.625.560	159.632.865.571

24. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	258.397.797.338	223.922.897.013
Chi phí phát hành trái phiếu	3.730.434.004	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	288.865.868	406.414.322
Chi phí tài chính khác	59.393.985.072	58.347.308.566
	321.811.082.282	282.676.619.901



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	159.623.181.806	214.352.142.447
Chi phí vận chuyển	69.883.062.587	83.127.899.781
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	34.768.986.545	78.419.681.323
Chi phí thuê hoạt động	12.811.722.421	14.348.756.400
Chi phí công cụ và dụng cụ	929.611.926	1.181.373.963
Chi phí bán hàng khác	52.062.926.552	83.044.433.680
	330.079.491.837	474.474.287.594

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	92.443.976.131	107.611.046.335
Chi phí thuê hoạt động	10.699.772.973	11.954.401.215
Chi phí dụng cụ văn phòng	3.029.815.342	3.164.225.685
Khấu hao và phân bổ	397.341.617	272.111.504
Dự phòng phải thu khó đòi	9.091.194.831	(4.667.668.895)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	31.244.263.546	32.505.243.377
	146.906.364.440	150.839.359.221

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.993.722.703.946	(115.942.960.217)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	798.744.540.789	(23.188.592.043)
Chi phí không được khấu trừ thuế	348.887.900	613.294.180
Thu nhập không chịu thuế	(800.000.621.700)	(16.612.659.520)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	907.193.011	39.187.957.383
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	86.576.186.756	17.315.237.351	455.887.356.571	91.177.471.314
Lỗ tính thuế	1.597.009.955.583	319.401.991.117	1.386.519.865.550	277.303.973.110
	1.683.586.142.339	336.717.228.468	1.842.407.222.121	368.481.444.424

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2022	Chưa quyết toán	665.385.871.285
2023	Chưa quyết toán	202.694.631.599
2024	Chưa quyết toán	339.068.244.558
2025	Chưa quyết toán	16.014.073.272
2026	Chưa quyết toán	373.847.134.869
		1.597.009.955.583

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể có ảnh hưởng đáng kể.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	3.800.000.000.000	150.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	1.287.250.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	27.852.410.959	2.323.972.603
Thu nhập lãi trái phiếu	9.112.518.595	-
Phát hành trái phiếu hoán đổi	3.756.912.000.000	-
Chia cổ tức	1.260.516.028.100	-
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Meat		
Góp vốn cổ phần	700.000.000.000	3.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Mua hàng	-	578.931.122
Cho vay	365.800.000.000	443.200.000.000
Thu hồi khoản cho vay	665.800.000.000	256.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	10.606.998.640	18.868.983.577

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	488.100.000.000	628.250.000.000
Thu hồi khoản cho vay	316.450.000.000	798.700.000.000
Thu nhập lãi cho vay	15.800.947.956	15.300.554.805
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Cho vay	606.400.000.000	490.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	536.500.000.000	573.900.000.000
Thu nhập lãi cho vay	6.817.235.620	3.767.204.110
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Bán hàng	199.278.547.275	5.237.321.000
Góp vốn cổ phần	-	613.000.000.000
Cho vay	20.700.000.000	2.700.000.000
Thu hồi khoản cho vay	20.700.000.000	2.700.000.000
Thu nhập lãi cho vay	66.353.425	17.309.589
Các công ty con (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)		
Công ty Cổ phần MNS Feed		
Thu nhập từ cổ tức	4.000.003.108.500	83.063.297.600
Góp vốn cổ phần	-	4.172.000.000.000
Thanh lý các khoản đầu tư	-	4.171.106.422.729
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng	297.379.326.095	263.721.501.140
Bán hàng	2.580.236.965	2.552.421.035
Phí thuê kho	450.000.000	540.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng	152.222.005.280	159.081.890.880
Bán hàng	322.271.550	385.303.410
Phí thuê kho	350.000.000	420.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Mua hàng	48.171.669	-
Phí thuê kho	1.200.000.000	1.440.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng	519.393.713.785	501.639.210.025
Bán hàng	6.548.719.720	6.921.662.290
Phí thuê kho	350.000.000	420.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng	242.477.221.630	244.889.221.625
Bán hàng	1.063.906.395	126.400.930
Phí thuê kho	350.000.000	420.000.000



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Mua hàng	1.096.579.809.380	1.070.527.974.600
Bán hàng	1.010.944.338	969.038.940
Phí thuê kho	572.400.000	-
Góp vốn cổ phần	-	414.000.000.000
Mua khoản đầu tư	647.778.834.600	1.999.989.111.000
Thanh lý tài sản cố định	27.752.082	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Mua hàng	4.946.973.880.135	5.324.668.548.615
Bán hàng	19.235.758.535	16.698.063.175
Vay	741.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	3.852.844.095.436	-
Chi phí lãi vay	162.640.255.334	202.824.030.222
Thanh lý tài sản cố định	18.284.440	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng	27.401.743.715	2.583.523.250
Vay	199.500.000.000	-
Trả nợ gốc vay	199.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	642.772.603	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định		
Mua hàng	1.171.595.834.455	1.226.232.894.100
Bán hàng	3.607.237.955	1.783.477.065
Mua tài sản cố định	-	114.127.200
Thanh lý tài sản cố định	227.864.500	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Mua hàng	606.875.721.510	498.016.643.585
Bán hàng	430.530.040	115.531.855
Phí thuê kho	630.000.000	693.000.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin	9.387.998.709	8.983.588.158
Phí hỗ trợ quản lý	80.552.302	513.924.254
Mua hàng	84.541.386	153.616.015
Công ty Cổ phần Bột giặt NET		
Mua hàng	-	27.683.998
Công Ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng	143.106.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan		
Vay	-	400.000.000.000
Trả nợ gốc vay	400.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	10.129.315.066	3.276.712.329
Chia cổ tức	145.991.898.500	-
Phát hành trái phiếu hoán đổi	650.506.000.000	-
Công ty TNHH The Sherpa		
Cho vay	3.951.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	3.951.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	17.319.452.055	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce		
Mua hàng	693.270.155	502.133.559

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một công ty liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của nhân sự quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao (*)		
Ông Danny Le – Chủ tịch	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên	-	-
Ông Neal Leroux Kok – Thành viên – Từ chức	-	-
Ông Phạm Trung Lâm – Thành viên – Từ chức	-	-
Tổng Giám đốc		
Thù lao, lương và phúc lợi khác		
Ông Nguyễn Quốc Trung – Bổ nhiệm (**)	1.582.171.200	-
Ông Phạm Trung Lâm – Từ chức	4.912.124.248	5.983.476.000
Những người quản lý khác		
Thù lao, lương và phúc lợi khác	19.681.022.335	24.984.500.292

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng thù lao trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020.
- (**) Trước thời điểm được bổ nhiệm, Công ty không chi trả bất kỳ các khoản thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	464.000.000.000	170.322.923.047
Công ty TNHH MEATDeli HN	502.122.375.634	95.824.630.158
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	99.873.760.099	-
Các công ty con (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)		
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	-	48.701.275.246
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	-	37.515.503.772
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	-	22.254.022.666
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	-	17.656.028.973
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	169.375.175.585

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Tất toán trái phiếu hoán đổi thông qua việc hoán đổi với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MNS Feed	7.283.990.000.000	-
Mua các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu chưa thanh toán	-	1.999.989.111.000
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	-	50.000.000

Ngày 8 tháng 3 năm 2022


Mã Hồng Kim
Người lập


Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc



